



# ĐẶC ĐIỂM VI SINH CÁC MẪU CÂY ĐẦU CATHETER TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM TỪ 2015-2017



**BS. Phạm Minh Tiến**  
**Khoa KSNK- BV ĐHYD TP HCM**



Đặt vấn đề



Mục tiêu nghiên cứu



Phương pháp nghiên cứu



Kết quả và bàn luận



Kết luận

# ĐẶT VẤN ĐỀ

- ❖ **CRBSI (Catheter related bloodstream infection): định nghĩa lâm sàng**
- ❖ **Tỉ lệ mắc: tại Mỹ 5,3/1000 ngày catheter, tại VN 16,8/1000 ngày catheter**
- ❖ **Tỉ lệ tử vong: 12-25% (Mỹ), 50% (Việt Nam)**
- ❖ **Cấy đầu catheter dương 44%**
- ❖ **CLABSI: chỉ dựa vào mẫu máu.**

- Lê Bảo Huy, “Khảo sát tình hình nhiễm khuẩn huyết liên quan catheter tĩnh mạch trung tâm tại khoa Hồi sức tích cực chống độc - Bệnh viện Thống Nhất Tp Hồ Chí Minh”, Hội nghị Hồi sức Cấp cứu Thành phố Hồ Chí Minh, lần thứ 14.

- National Nosocomial Infections Surveillance (NNIS) System Report. Am J Infect Control. 2004;32:470–85.



# MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- ❖ **Tỉ lệ cấy đầu catheter tĩnh mạch trung tâm dương**
- ❖ **Tỉ lệ các tác nhân gây bệnh**
- ❖ **Đặc điểm kháng sinh đồ của các tác nhân gây bệnh**



# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ❖ **Mô tả hồi cứu**
- ❖ **Thời gian: 1/2015- 11/2017**
- ❖ **Địa điểm: Bệnh viện ĐHYD TPCHM**



# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ❖ **Đối tượng nghiên cứu:** Các mẫu cây đầu catheter
- ❖ **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Mẫu cây catheter tĩnh mạch trung tâm, được đặt tại bệnh viện ĐHYD TPHCM.
- ❖ **Tiêu chuẩn loại trừ:** catheter đặt tại bệnh viện khác chuyển đến.

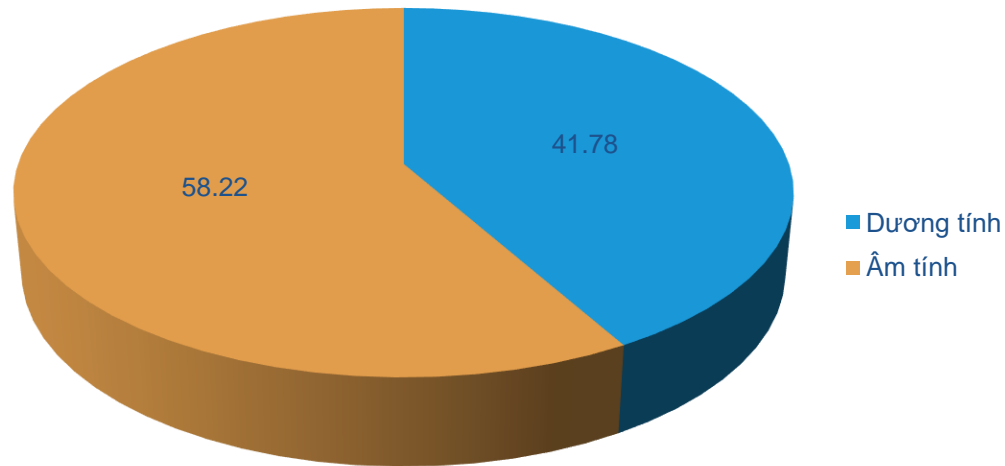


# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ❖ **Biến số nghiên cứu: tuổi, giới, khoa, tác nhân phân lập được và kháng sinh đồ tương ứng**
- ❖ **Thu thập số liệu: phiếu**
- ❖ **Nhập liệu: Epidata 3.1**
- ❖ **Xử lý số liệu: STATA 13.0**

# gg KẾT QUẢ

- ❖ 493 mẫu cây đầu catheter
- ❖ Dương tính 206 mẫu







# KẾT QUẢ

Đặc tính	Tần số	Tỷ lệ (%)
<b>Giới</b>		
Nữ	106	51,46
Nam	100	48,54
<b>Nhóm tuổi</b>		
<20 tuổi	53	25,73
21 – 60 tuổi	37	17,96
>60 tuổi	116	<b>56,31</b>
<b>Khoa</b>		
Khoa Hồi sức tích cực	110	53,40
Khoa Hồi sức tim	70	33,98
Khoa Hô hấp	1	0,49
Khoa Lão - SGN	3	1,46
Khoa Nội tim mạch	9	4,37
Khoa Ngoại tiêu hóa	3	1,46
Khoa Ngoại thần kinh	1	0,49
Khoa Phẫu thuật tim mạch	5	2,43
Khoa Tai mũi họng	1	0,49
Khoa Ngoại gan mật tụy	2	0,97
Đơn vị hồi sức NTK	1	0,49



## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

- ❖ Về độ tuổi: So với tác giả Lê Bảo Huy (lớn nhất 98, nhỏ nhất 60), phân bố độ tuổi trong nghiên cứu của chúng tôi trẻ hơn.
- ❖ Đa đa số mẫu catheter được gửi từ khối hồi sức, chiếm 87%.



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Vi khuẩn	Tần số	Tỷ lệ (%)
<b>Klebsiella pneumoniae</b>	39	18.93
<b>Staphylococcus coagulase âm</b>	38	18.45
<b>Nấm hạt men</b>	32	15.53
<b>Acinetobacter baumannii</b>	28	13.59
<b>Pseudomonas aeruginosa</b>	26	12.62
<b>Escherichia coli</b>	11	5.34
Proteus mirabilis	8	3.88
<b>Staphylococcus aureus</b>	6	2.91
Enterobacter aerogenes	5	2.43
Stenotrophomonas maltophilia	3	1.46
Candida, not albicans	2	0.97
Streptococcus sp.	2	0.97
Burkholderia cepacia	1	0.49
Enterobacter cloacae	1	0.49
Enterococcus sp.	1	0.49
Klebsiella oxytoca	1	0.49
Proteus vulgaris	1	0.49
Pseudomonas stutzeri	1	0.49



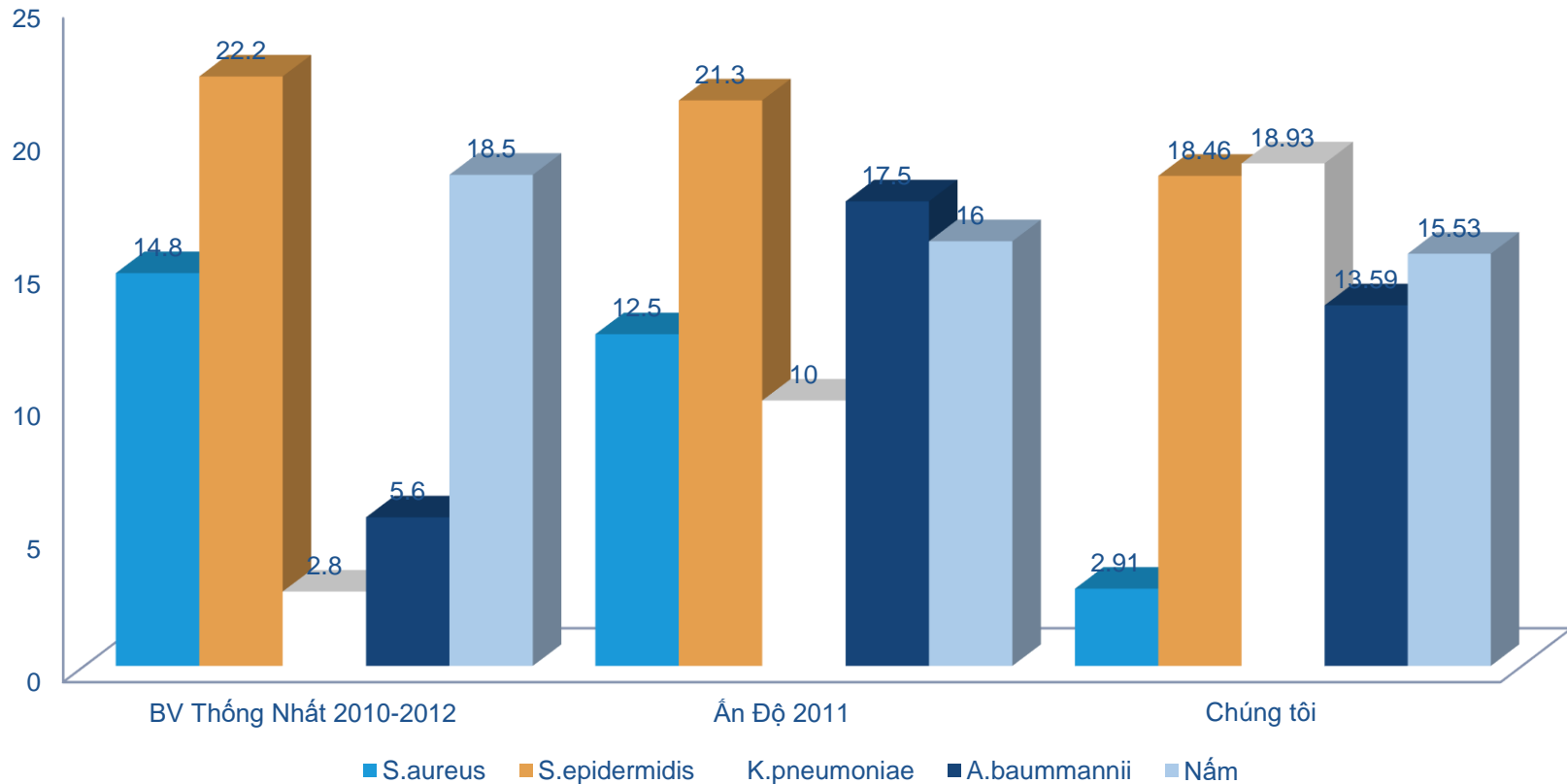
## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

- ❖ VK Gram dương: 22%, Gram âm 63,5%
- ❖ Theo Parameswaran et al, 2011: 61.3% VK Gram âm gây NK catheter tại chỗ, trong khi 64% Gram dương gây CRBSI (có cấy máu dương).



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Tỉ lệ các tác nhân gây bệnh phân lập từ đầu catheter

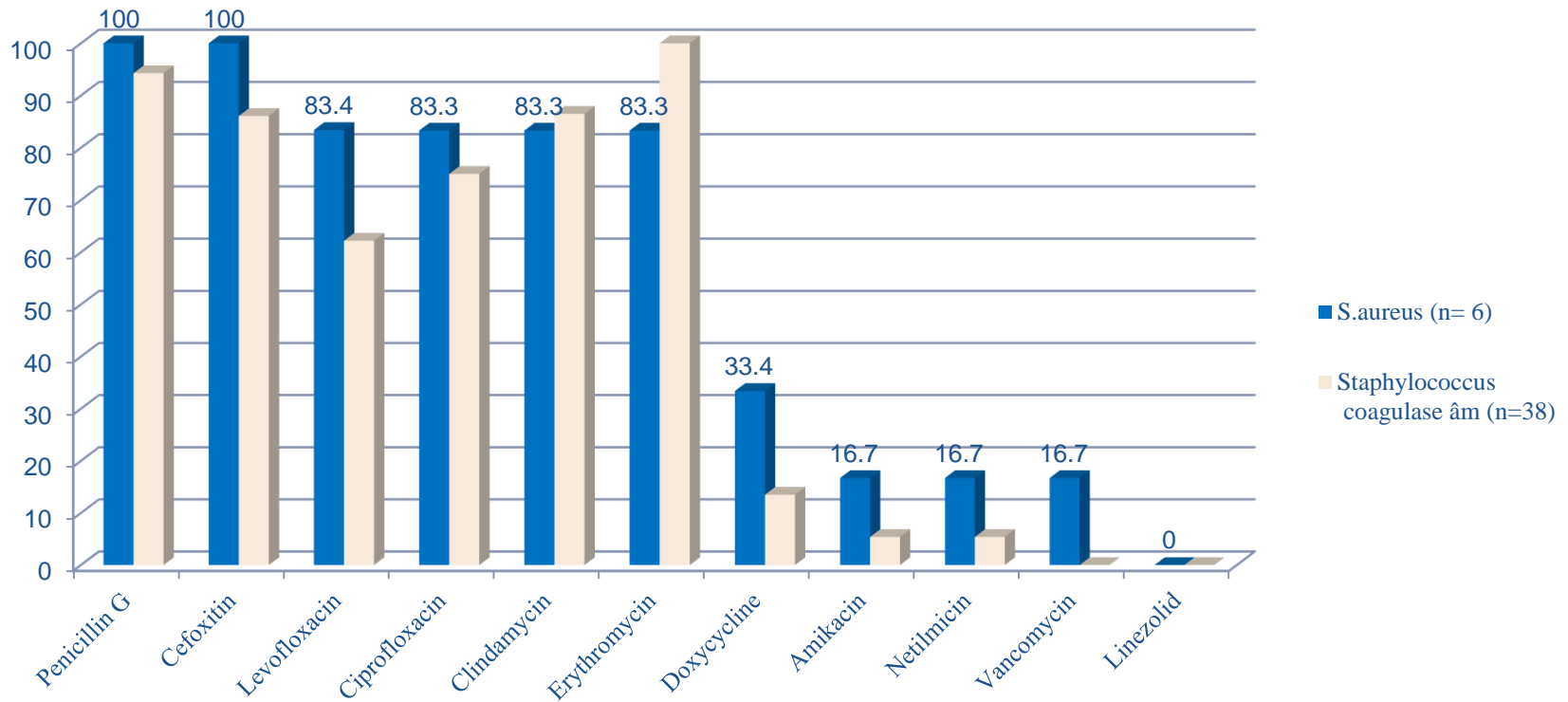


- Lê Bảo Huy, “Khảo sát tình hình nhiễm khuẩn huyết liên quan catheter tĩnh mạch trung tâm tại khoa Hồi sức tích cực chống độc - Bệnh viện Thống Nhất Tp Hồ Chí Minh”, Hội nghị Hồi sức Cấp cứu Thành phố Hồ Chí Minh, lần thứ 14.
- Parameswaran R, Sherchan JB, Varma DM, Mukhopadhyay C, Vidyasagar S. Intravascular catheter-related infections in an Indian tertiary care hospital. J Infect Dev Ctries. 2011;5:452–8.



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Tỷ lệ kháng kháng sinh của vi khuẩn Gram dương





# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng: tỉ lệ đề kháng kháng sinh của các vi khuẩn Gram âm thường gặp

	K.pneumoniae (n=39)	P.aeruginosa (n=26)	A.baumannii (n=28)	E.coli (n=11)
Colistin	0	4	3.7	16.7
Amikacin	29	69.2	78.6	36.4
Cefoperazone/Sulbactam	71.1	76.9		63.6
Levofloxacin	81.1	80.4	83.1	80
Meropenem	82.7	73.7	82.6	71.4
Piperacillin/Tazobactam	84.2	38.5	82.5	72.7
Ceftriaxone	89.5		88.7	90.9
Imipenem	91.7	88.9	100	80
Cefoxitin	92.1	87.5	100	90.9
Doripenem	93.7	75	94.7	75
Ceftazidime	94.7	76	85.7	90.9
Cefotaxime	97.4	100	87.7	90.9
Ciprofloxacin	100	60	63.5	66.7



# KẾT LUẬN

1

- Tỷ lệ cấy đầu catheter dương tính là 41,78% (206/493 mẫu cấy)

2

- Nhóm vi khuẩn Gram dương: 22 %, trong đó S.epidermidis 18,9%, S.aureus 2,9%.
- Nhóm vi khuẩn Gram âm 63,5%, trong đó K.pneumoniae 18%, A.baumannii 13,59%, P.aeruginosa 12,62%, E.coli 5,34%.
- Nấm hạt men 15,5%.

3

- Nhóm vi khuẩn Gram dương: tỷ lệ kháng Penicillin, Cefoxitin, nhóm Quinolone, nhóm Macrolide trên 80%, Vancomycin kháng 16,7%, Linezolid kháng 0%.
- Nhóm vi khuẩn Gram âm: tỷ lệ kháng các nhóm Cephalosporin thế hệ 3, Carbapenem, Quinolons đều trên 70%. Tỷ lệ kháng thấp nhất là Colistin khoảng 4%.



**THANK YOU FOR YOUR ATTENTION**

